

VIỆT NGỮ

1b

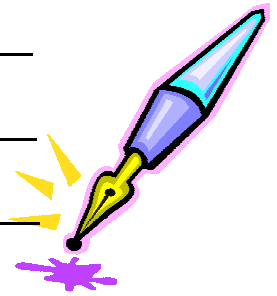
Tên học sinh: _____

Trường: _____ Lớp: _____

Học kỳ: _____ Niên khóa: _____

Điện thoại của học sinh: _____

Điện thoại của giáo viên: _____



HỌC SINH CẦN NHỚ NHỮNG ĐIỀU SAU:

1. Mỗi bài tập đọc các em phải tập viết nắn nót cho thật đẹp ở nhà.
2. Tập đọc thật kỹ và nhiều lần ở nhà.
3. Phần bài tập phải làm đầy đủ.
4. Phần bài tập làm thêm nên làm để tăng thêm trình độ học tiếng Việt của em.
5. Phải đi học đúng giờ và điều đặn, nghỉ học phải có lý do.
6. Mang sách vở đầy đủ khi đến lớp.

TIÊN HỌC LỄ, HẬU HỌC VĂN KIẾN THA LÂU ĐẦY TỔ

Tôi yêu tiếng Việt

*<< Trời sinh ta để nói tiếng Việt,
Trời cho ta tiếng Việt để dùng.>>
Cớ sao ta chẳng vun trồng,
Học nhờ viết mượn tốn công đã nhiều*

*Tiếng ta đâu có nghèo, thiếu chữ,
Rừng ca dao tục ngữ còn kia.
Với bao văn phẩm người xưa,
Câu cười tiếng khóc như vừa diễn qua.*

*Đó là những tinh hoa đất nước,
Mà hồn văn thưở trước còn đây.
Trải bao dâu biển đổi thay,
Tiếng còn, nước hẳn có ngày vinh quang.*

*Tiếng mẹ đẻ dễ dàng thông cảm,
Vì nói lời tâm khảm của ta.
Hãy nên dùng chữ nước nhà,
Trên đường văn hóa thẳng đà tiến lên.*

NHƯ TUYẾT

CÂY CỘI, NƯỚC CÓ NGUỒN CỘI NGUỒN TA TRONG TIẾNG NÓI **VIỆT NAM**



EM HỌC QUỐC NGỮ

Sách Quốc ngữ,
Chữ nước ta.
Con cái nhà,
Đều phải học.
Miệng thì đọc,
Tai thì nghe,
Đừng ngủ nè,
Chớ láu táu.
Em lên sáu,
Học vỡ lòng,
Đọc cho thông.
Thầy mẹ quý.



Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu

MUỐN BIẾT PHẢI HỎI,
MUỐN GIỎI PHẢI HỌC

MỤC LỤC

Số	Tên bài	Ghi chú
1	Em yêu mùa hè 13-18	
2	Cây bàng 19-25	
3	Cái đồng hồ 26-30	
4	Dưới ánh trăng 31-38	
5	Hai con dê 39-42 Làm bài kiểm	
6	Cái Bống 43-48	
7	Con chuột phát phì 49-53	
8	Chỗ để ngày mai 54-59	
9	Bà và cháu 60-64	
10	Nặn đồ chơi 65-73 Làm bài kiểm	
	Bài tập làm thêm	

SOẠN LẠI NGÀY 8.8.2008

MẪU TỰ TIẾNG VIỆT

<i>a</i>	<i>ã</i>	<i>â</i>	<i>b</i>	<i>c</i>
1. anh	2. ăn	3. cân	4. ba	5. cá
<i>d</i>	<i>đ</i>	<i>e</i>	<i>ê</i>	<i>g</i>
6. dì	7. đi	8. em	9. nệm	10. gà
<i>h</i>	<i>i</i>	<i>k</i>	<i>l</i>	<i>m</i>
11. heo	12. im	13. kem	14. lá	15. mẹ
<i>n</i>	<i>o</i>	<i>ô</i>	<i>ơ</i>	<i>p</i>
16. nón	17. con	18. ông	19. sợ	20. pin
<i>q</i>	<i>r</i>	<i>s</i>	<i>t</i>	<i>u</i>
21. quần	22. răn	23. sư tử	24. tử	25. uống
<i>ư</i>	<i>v</i>	<i>x</i>	<i>y</i>	
26. hư	27. về	28. xe	29. yên	

PHỤ ÂM GHÉP

ch chờ **kh** khờ **nh** nhờ **th** thờ

1. chó

2. khi

3. nhà

4. thư

ph phờ **tr** trò **gi** giờ **gh** gờ

5. cà phê

6. trả lời

7. già

8. ghé

ng ngờ **ngh** **qu** quờ

9. ngồi

ngờ

10. nghe

11. quần

Những phụ âm sau đọc giống như nhau nhưng chỉ đi được với các nguyên âm sau:

c cờ	g gờ	ng: ngờ	a, ă, â, o, ô, ơ, u, ư
k cờ	gh gờ	ngh: ngờ	e, ê, i (y)

Tiếng Việt có 6 dấu giọng:

không dấu (ma)	dấu sắc (má)
dấu huyền (mà)	dấu hỏi (mả)
dấu ngã (mã)	dấu nặng (mạ)

VẦN TIẾNG VIỆT

1	AC: con tê giác
2	ACH: cái tách
3	AI: gà mái
4	AM: màu xám
5	AN: cây đàn
6	ANG: cái bảng
7	ANH: củ hành
8	AO: con cáo
9	AP: xe đạp
10	AT: ca hát
11	AU: phía sau
12	AY: bàn tay
13	ĂC: mặc áo quần
14	ĂM: đi tắm
15	ĂN: cái khăn
16	ĂNG: mặt trăng
17	ĂP: cái cặp
18	ĂT: con mắt
19	ÂC: quả gấc
20	ÂM: cái nấm
21	ÂN: cái cân
22	ÂNG: vâng lời
23	ÂP: cá mập
24	ÂT: mất mát
25	ÂU: cái đầu
26	ÂY: cây cau
27	EM: kem
28	EP: đôi dép
29	ET: con két

30	EN: hoa sen
31	EO: con mèo
32	ÊCH: con ếch
33	ÊM: giường nệm
34	OĂNG: con hoẵng
35	OẮT: bé loắt choắt
36	OC: con sóc
37	OE: khoe khoang
38	OI: lửa khói
39	OM: làng xóm
40	OEO: ngoéo tay
41	OEN: đôi khoen
42	ON: cái nón
43	ONG: bên trong
44	OP: con cọp
45	OT: rớt
46	ÔC: học tử
47	ÔI: lời thôi
48	ÔM: hôm nay
49	ÔN: khoai môn
50	ÔNG: trong nhà
51	ÔP: cái hộp
52	ÔT: cà rốt
53	ƠI: con dơi
54	ỚP: lớp học
55	ỚT: cái thớt
56	ƠM: quả thơm
57	ỚN: con lợn
58	UA: cà chua
59	UÂN: mùa xuân

60	UẬT: ảo thuật
61	UÂY: quây quần
62	UC: hoa lục bình
63	UÊ: hoa huệ
64	UI: cái dùi
65	UM: cụm hoa
66	UN: con giun
67	UNG: cái thùng
68	ÊN: bắt đèn
69	ÊNH: con kênh
70	ÊP: cái bếp
71	ÊT: ngày Tết
72	ÊU: cái lều
73	IA: chia đều
74	ICH: xem kịch
75	IÊC: làm xiếc
76	IÊM: tìm kiếm
77	IÊN: cô tiên
78	IÊNG: tháng giêng
79	IÊP: tiếp khách
80	IÊT: thời tiết
81	IÊU: hạt tiêu
82	IM: con chim
83	IN: nhìn xem
84	INH: tấm hình
85	IP: cái nhíp
86	IT: con vịt
87	IU: cái rìu
88	OA: cái hoa
89	OAC: áo khoác

90	OACH: kế hoạch
91	OAI: củ khoai
92	OAM: nhai nhồm nhoàm
93	OAN: ngoan ngoãn
94	OANG: choàng khăn
95	OANH: hoàng oanh
96	OAT: sinh hoạt
97	OAY: ghế xoay
98	OĂC: dấu ngoặc đơn
99	OĂM: sâu hoắm
100	OĂN: lò xo xoắn
101	UÔC: cái cuốc
102	UÔI: cái đuôi
103	UÔM: thuyền buồm
104	UÔN: chuồn chuồn
105	UÔNG: rau muống
106	UÔT: suốt ngày
107	UP: búp bê
108	UT: hút
109	UY: tàu thủy
110	UYA: thức khuya
111	UYCH: té huych
112	UYÊN: họ Nguyễn
113	UYÊT: thuyết trình
114	UYNH: hoa quỳnh
115	UYT: tu huyết
116	ƯA: trái dưa
117	ƯC: ngực
118	Ư: gửi thư
119	ƯNG: cái lưng

120	ƯỚC: cây thước
121	ƯỞI: cái lưới
122	ƯỚM: con bướm
123	ƯỚN: con lươn
124	ƯỜNG: tiền lương
125	ƯỚP: quả mướp
126	ƯỚT: trượt tuyết
127	ƯỜU: cái bấu
128	ƯT: đứt tay
129	ƯU: về hưu
130	Y: cái ly
131	YÊM: cái yếm
132	YÊN: cái yên
133	YÊT: Yết Kiêu
134	YÊU: chết yếu

Trên đây là 134 vần trong tiếng Việt. Các em đọc và tìm thêm từ có cùng vần.

Chào Anh

Chào anh (cô) vừa đến, đến thăm chúng tôi nơi này

Lòng tôi thêm hân hoan khi trông thấy anh (cô) cười thật tươi.

Oái ối ơi, ơi, mặt anh (cô) giống như mặt trời,

Làm cho tôi đây âu lo khi trông thấy anh cười thật tươi.

BÀI 1 HỌC THUỘC LÒNG

EM YÊU MÙA HÈ



Em yêu mùa hè
 Có hoa sim tím
 Mọc trên đồi quê
 Rung rinh bướm lượn.
 Gió mát lưng đồi
 Ve ngân ra rả



Trên cao lưng trời
 Điều ai vừa thả.
 Thong thả dặt trâu
 Trong chiều nắng xế,
 Em hái sim ăn.
 Trời! Sao ngọt thế!

A. TẬP VIẾT VÀ CHÉP LẠI CẢ BÀI.

B. TẬP ĐÁNH VẦN: ĐỌC VẦN - ÂM - DẤU EM, ÊM, IM, AM, ẪM, ÂM

	e-m	em		i-m	im
đ	e-m	đem	k	i-m	kim
k	e-m	kem	t	i-m \	tìm
x	e-m	xem	th	i-m /	thím
	ê-m		c	a-m	cam
đ	ê-m /	đếm	t	ă-m /	tắm
k	ê-m \	kèm	b	â-m /	bấm
th	ê-m	thêm	ng	â-m	ngâm

C. BÀI TẬP

1. Tìm và đọc những tiếng có âm:

V				
Gi				
R				
D				

2. Nghe cô đọc và điền vần: im, iêm, iêu, iu

- a. con chi___ t___ ki___ trái ti yểu xi___
 b. buổi chi___ hi___ thảo chú thi___ ít nhi___
 c. bún ri___ ti___ thuốc buồn hi chi___ đoạt
 d. cây ki___ gió h___ h___ đi ti___ thi___ đủ

3. Điền tiếng có vần: oc, ot, ôc, ôt

- a. đi họ___ cái họ___ họ___ tử hó___ rác
 b. con có___ sợi tó___ bọ___ biển con số___
 c. trái có___ viên ngọc___ bé khó___ con ó___
 d. ngu dó___ kẹo ngọc___ bọ___ mì thiếu số___

4. Điền ng hay ngh?

- a. Bé ___ủ, ông ___ỉ trưa.
 b. ___ười ___ệ sĩ ___èo.
 c. Con ___é ___ó theo mẹ.
 d. Gió thổi ___ọn cây ___ả ___iêng.



5. Câu hỏi về bài học.

a. Trên đôi có những gì?

--	--

b. Có những con gì trong bài học này?

--	--	--	--

c. Em hái sim trong buổi nào? _____

d. Trái sim thế nào? _____

e. Con gì bay cao trên bầu trời? _____

g. Con gì bay trên đôi? _____

6. Tìm từ cho sẵn trái nghĩa với những từ sau:

mặn, ghét, thấp, mưa, dưới, nóng, bận rộn

Yêu	Mát	Cao	Nắng
Trên	Thong thả		Ngọt

7. Tập đặt câu với: mọc, dất, chiều, trời

--	--

--	--

--	--

--	--

8. Phân loại các từ sau viết vào cột dưới.

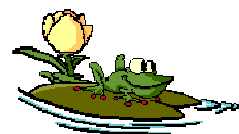
<i>đôi giày</i>	<i>tủ</i>	<i>xe đạp</i>	<i>cái thảm</i>
<i>áo len</i>	<i>kiếng</i>	<i>áo thun</i>	<i>xe buýt</i>
<i>xe vận tải</i>	<u><i>đôi vớ</i></u>	<i>băng ghế</i>	<i>đôi dép</i>
<i>giường</i>	<i>máy bay</i>	<i>áo sơ mi</i>	
<i>bàn</i>	<i>xe xích lô</i>	<i>áo khoác</i>	<i>cà vạt</i>
<i>ghế sa lông</i>	<i>xe hơi</i>	<i>quần tây</i>	
<i>tàu thủy</i>	<i>ghế dựa</i>	<i>quần soọc</i>	<i>xe lửa</i>



Y phục (quần áo)	Vật dụng trong nhà	Phương tiện di chuyển
<i>đôi vớ</i>		

Con Cóc Che Dù

Con cóc che dù (2) Con cóc thối đi (2)
Cóc ngồi cóc khóc (2) u ừ ù u (2)



Con cóc kiếm dù (2) Con cóc nhặt lên (2)
Che dù mưa nắng (2) Cóc nhảy về hang (2)

9. Kể và vẽ hình về mùa hè của em.

10. Tự thuật: đọc bài mẫu và tự thuật về em.

Họ và tên : Lê Quang Trung
 Nam, nữ : Nam
 Ngày sinh : 20 - 2 - 1996
 Nơi sinh : Turku
 Quê quán : huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây
 Nơi ở hiện nay : 110 D 25 Mustikkatie, Turku
 Học sinh lớp : 3B
 Trường : tiểu học Puolala, Turku
 Gia đình : ba, mẹ, 2 anh và 1 em gái
 Bạn bè : Thuận, Mỹ, Tuấn

Họ và tên

:

Nam, nữ

:

Ngày sinh

:

Nơi sinh

:

Quê quán

:

Nơi ở hiện nay

:

Học sinh lớp

:

Trường

:

Gia đình

:

Bạn bè

:

BÀI 2 TẬP ĐỌC CÂY BÀNG



Ngay giữa sân trường, sừng sững một cây bàng.
Mùa đông, cây vươn dài những cành khẳng khiu,
trụi lá.

Xuân sang, cành trên, cành dưới chi chít những lộc
non mơn mớn.

Hè về, những tán lá xanh um che mát cả sân
trường.

Thu đến từng chùm quả chín vàng trong kẽ lá.



A. TẬP CHÉP LẠI BÀI NÀY.

B. TẬP ĐÁNH VẦN: ĐỌC VẦN - ÂM - DẤU AI, OI, ÔI, ƠI, UI, ƯI, AY, ÂY

	a-i		ai	c	u-i	/	cúi
b	a-i	\	bài	ch	u-i	\	chùi
h	a-i		hai	ch	ư-i	?	chửi
đ	o-i	/	đói	ng	ư-i	?	ngửi
h	o-i	?	hỏi	h	a-y		hay
b	ô-i		bôi	t	a-y		tay
t	ô-i		tôi	c	â-y		cây
đ	ơ-i	.	đợi	đ	â-y	.	đậy
m	ơ-i	\	mời	th	â-y	/	thấy

C. BÀI TẬP

1. Tìm và đọc những tiếng có âm:

Tr						
Kh						

2. Điền vần ưng, ương, ui, iu vào chỗ trống.



- a. Sân tr____ Sừng s____ Khủng kh____ L____ lo
 b. Tủng b____ Tình th____ L____ đôi Thiu th____
 c. đen th____ Bộ x____ Nặng tr____ Bùì ng____

3. Điền vần: op, ôp, ơp, ap, ăp, âp vào chỗ trống.

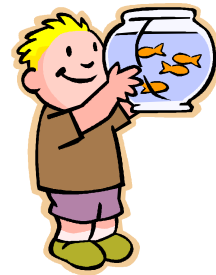
- a s_ p nhập l_ p học _ p trứng chó c_ p
 b nước ng_ p đi h_ p cái h_ p gia nh_ p
 c con c_ p t_ p h_ p ăn c_ p chủ th_ p
 d từng t_ p cái th_ p cao th_ p bị ng_ p
 e m_ p mạp th_ p nển cái b_ p l_ p nhà
 g giấy nh_ p xe đ_ p đau kh_ p s_ p xếp

4. Điền từ: trong, trông, trông thấy.

- a. Em _____ một con ngựa trắng.
 b. Bà _____ cháu bé.
 c. Con cọp bị nhốt _____ lồng.
 d. Mẹ đi vắng em _____ đàn nagan.

5. Điền từ vào chỗ trống:

..... một cây bàng.	Lộc non.....
Chùm quả.....	Những cành.....



6. Trả lời câu hỏi:

a. Vào mùa hè cây bàng như thế nào?

ă. Vào mùa nào cành cây trụi lá? _____

â. Đến mùa nào những trái bàng chín? _____

b. Cây bàng nằm ở đâu? _____

c. Sân trường được che mát bởi gì? _____

d. Khi nào thân cây bàng mọc đầy những lộc non?

đ. Kể 5 tên những loại cây ở Phần Lan.

--	--	--	--	--

e. Sân trường học của em có những gì?

7. Vẽ hình cây theo bốn mùa.

mùa xuân	mùa hè (hạ)
mùa thu	mùa đông

8. Nối từ có cùng vần và viết ra.

a. mùa <u>xuân</u>	bị <u>bịnh</u>
b. bạn <u>thân</u>	bị <u>lúng</u>
c. cái <u>thùng</u>	anh <u>Tuấn</u>
d. ngày <u>giỗ</u>	sống <u>gần</u>
e. cái <u>bướu</u>	đôi <u>mắt</u>
g. cây <u>viết</u>	khuyên <u>bảo</u>
h. tôn <u>kính</u>	con <u>hươu</u>
i. họ <u>Nguyễn</u>	củ <u>khoai</u>
k. máy <u>giặt</u>	tổ <u>tiên</u>
l. bên <u>ngoài</u>	biết <u>nói</u>

1. mùa <u>xuân</u> , anh <u>Tuấn</u>

a. cái <u>tách</u>	vườn <u>vai</u>
b. số <u>sáu</u>	bệnh <u>điên</u>
c. buổi <u>sáng</u>	tìm <u>kiếm</u>
d. ghép <u>từ</u>	con <u>đường</u>
e. cho <u>điểm</u>	cái <u>nách</u>
g. đi <u>tắm</u>	nước <u>nấm</u>
h. cái <u>nấm</u>	hai <u>tuổi</u>
i. vách <u>tường</u>	đẹp <u>đẽ</u>
k. con <u>lươn</u>	bị <u>bầm</u>
l. viên <u>thuốc</u>	đăng <u>sau</u>



9. Truyện: CÔNG VÀ QUẠ

Xưa Công với Quạ làm bạn thân với nhau, vì hai con cùng xấu cả. Một hôm, Quạ bảo Công rằng:

– Thử xem, các giống chim trên rừng, trên núi, giống nào cũng đẹp. Còn như anh em ta đây! than ôi! thân hình thật xấu. Công nói:

– Phận xấu đành vậy, chớ biết làm sao bây giờ?

Quạ nghĩ một lúc rồi bàn rằng:

– Xấu mà làm ra đẹp, cũng được chớ gì! Bây giờ hai đứa ta thử tô điểm, vẽ cho nhau xem có đẹp hay không?

Công bằng lòng. Quạ bèn tô điểm, vẽ cho Công trước.

Quả nhiên cái mình, cái đuôi Công lóng lánh, có bao nhiêu màu sắc đẹp, đẹp hơn những giống chim khác nhiều.

Đến lượt Công ngồi tô điểm cho Quạ, thì chợt nghe tiếng ríu rít, nhiều chim con ở phía đông bay lại.

Quạ liền hỏi:

– Các bạn đi đâu mà kéo đàn, kéo lũ như thế?

Đàn chim nói:

– Chúng tôi nghe đồn ở dưới phương nam có nhiều gạo, nhiều gà, và rất nhiều đồ ăn ngon khác.... Chúng tôi rủ nhau đi kiếm ăn đây. Anh làm gì đấy?... Hay ta cùng đi một chung.

Quạ nghe nói, trong lòng háo hức muốn đi theo đàn chim kia ngay lập tức. Quạ nói với Công rằng:

– Bây giờ mà tôi ngồi đợi để cho anh tô điểm, thì chưa biết đến bao giờ mới xong. Thôi, sẵn đĩa mực đây, anh cứ đổ lên mình tôi để tôi đi theo bọn kia cho nhanh, kẻo lỡ mất một dịp kiếm ăn tốt.

Công nghe quạ bảo thế, chiều ý làm theo, cầm cả đĩa mực

dốc vào mình quạ. Thành bao nhiêu lông cánh của Quạ toàn một màu đen như mực.

Quạ bay đi kiếm ăn không còn nghĩ gì đến xấu với đẹp nữa. Nhưng đến lúc ăn no trở về, quạ thấy con cò trắng muốt bay qua trông thấy nó mà cười. Quạ tức lắm...bèn ngấm lại mình thì ôi thôi...Quạ thấy mình đen thui thúi, thiệt xấu xí, thẹn quá bèn bay đi trốn..

Từ đó, không ai còn thấy Quạ đâu nữa trừ những nơi vắng vẻ.

10. Vẽ hình theo truyện trên.

BÀI 3 HỌC THUỘC LÒNG CÁI ĐỒNG HỒ

Lúc la lúc lắc!
Tích ta tích tắc!
Ngày ngày đêm đêm.
Chỉ giờ, chỉ khắc ...

Người đời nhờ tôi,
Lúc làm, lúc chơi,
Có giờ, có giấc,
Ngày thức, đêm ngơi.

Lúc la lúc lắc!
Tích ta tích tắc!
Tháng tháng năm năm,
Chỉ giờ chỉ khắc ...

Trời sinh ra người,
Người sinh ra tôi,
Tôi đã làm lụng,
Người chớ biếng lười.

Lúc la lúc lắc!
Tích ta tích tắc!
Kiếp kiếp đời đời!
Chỉ giờ, chỉ khắc ...



A. TẬP CHÉP LẠI BÀI NÀY.

B. TẬP ĐÁNH VẦN: ĐỌC VẦN - ÂM - DẤU

AC, ẮC, ÂC, OC, ÔC, UC, ƯC (/.)

b	a-c	bác Hai	đ	o-c	đọc bài
nh	a-c	bản nhạc	h	o-c	đi học
kh	a-c	khác lạ	h	ô-c	học tử
b	ă-c	bắc (miền)	đ	ô-c	độc
đ	ă-c	đặc biệt	x	u-c	xúc miệng
m	ă-c	mặc áo	b	ư-c	bực tức

C. BÀI TẬP

1. Cho tiếng có dấu:

Dấu ngã				
Dấu hỏi				

2. Điền vần: ai, ay, ây

- a gà má_ má_ ảnh thà_ giáo ha_ giới
- b cánh ta_ chả_ tóc bị rà_ đỏ ha_
- c ma_ gió suốt chả_ dà_ mỏng số ha_
- d má_ ba_ sợi da_ dây dà_ đôi già_

3. Điền c hay k? (k: e, ê, i, y) (c: a, ă, â, o, ô, ơ, u, ư)

- a _á vàng lá _ờ _ỳ _ục _iến lửa
- b _êu la _ãi nhau thước _ẻ quả _à
- c _on _ò rau _ải lá _ọ cái _ìm
- d _on _ú _ây _iểm _úng đầu _ỳ _ọ

4. Điền l hay n?

- a cái _ôi _a hét _ú _o _ú áo
- b cái _ồi nhà _ông cái _ông ăn _o

5. Điền dấu hỏi ?, ngã ~.

- a quyên vở tô chim te nga nga ba
b gió thổi vội va chi cho cho xôi

6. Điền từ chỉ về thời gian.

phút, giờ, ngày đêm, tuần, tháng, năm
buổi sáng, buổi tối, buổi trưa, buổi chiều, khuya,

- a. _____: có 24 giờ.
b. _____: có 7 ngày.
c. _____: có 30 ngày.
d. _____: có 60 phút.
e. _____: có 4 mùa.
f. _____: có 12 tháng.
g. _____ em đến trường học.
h. _____ em học bài.
i. _____ em xem ti vi.
j. _____ em ngủ.
k. _____ em ăn ở trường.



7. Đố em ống gì đây?

- a. Ống gì trông rộng nhìn xa? _____
ă. Ống gì đốt lửa phì ra khói này? _____
â. Ống gì chuột rúc chui đây? _____
b. Ống gì giải khát môi hay ngậm vành? _____
c. Ống gì thánh thốt thanh thanh? _____
d. Ống gì ô nhiễm trời xanh hóa mù? _____

8. Sắp lại các câu sau cho đúng:

a. Chị bạn của trường chờ ở trước

ã. suốt Bé buổi ngủ trưa

â. Bạn đá chơi thích có banh không?

b. để Người nuôi nhà chó giữ ta

c. sáng đêm đèn Bàn điện con
cả đường chiếu

d. phép phải có trò lễ Học

đ. sênên mắt xem ti Không vi nhiều hại

e. đi em chợ bảo mua sữa Mẹ

ê. xin Em phép với mẹ chơi bạn đi

g. làm Tuấn trong Bạn phòng bài

h. đưa nhà thư mang Bác thư từng đến

i. và Em có một hai trai đứa đứa
em em gái

k. chen lấn khi Không xếp hàng

l. Thủ Hà đô của Việt Nam là nước Nội

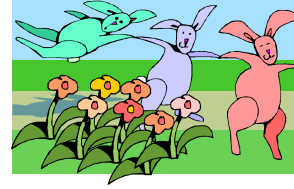
m. các Gia đình em em có chị ông
anh bà, cha mẹ và

Bài hát: *Nào Về Đây*

*Nào về đây ta họp mặt cùng nhau
Cuộc đời vui thú có lúc này thanh thoi
Anh với em ta cùng sống vui trọn ngày
Rồi mai này chúng ta gặp lại nhau (2)*



BÀI 4 TẬP ĐỌC DƯỚI ÁNH TRĂNG



Mặt trăng tròn nhô lên từ phía đằng đông.
Ánh sáng trong xanh tỏa khắp khu rừng.
Thỏ mẹ cùng đàn con nắm tay nhau vui múa.
Chân thỏ nhịp nhàng lướt theo nhịp trống.
Trong khu rừng vắng hươu, nai yên lặng ngắm nhìn;
chim, sóc cũng chuyền cành xuống trông cho rõ.

A. TẬP ĐỌC VÀ TẬP VIẾT.

B. TẬP ĐÁNH VẦN: ĐỌC VẦN - ÂM - DẤU

ANG, ĂNG, ÂNG, ONG, ÔNG, UNG, ỨNG

b	a-ng	?	cái bả
s	a-ng	/	sáng
th	a-ng		cái thang
b	ă-ng	\	bằng nhau
r	ă-ng		hàm răng
tr	ă-ng	/	màu trắng
th	ă-ng	?	thẳng hàng
d	â-ng		dâng lên
v	â-ng		vâng lời

b	o-ng	/	bong bóng
tr	o-ng		ở trong
đ	ô-ng		mùa đông
kh	ô-ng		không có
tr	ô-ng		trông thấy
h	u-ng		hung dữ
x	u-ng		xung quanh
l	ư-ng		lưng
đ	ư-ng	.	đựng

C. BÀI TẬP

1. Cho 4 tiếng có âm CH, TR và đọc lên.

Ch: chó				
Tr: trả				

2. Tìm 4 tiếng có vần:

uởu				
uớt				
uyên				
uông				
íp				

3. Điền vào chỗ trống.

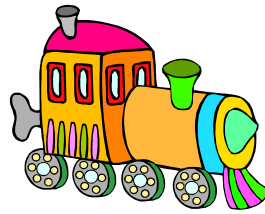
an, at, ăn, ăt

- a kéo đà_ tá_ nước khá_ nước cái bà_
- b cái kha_ đôi má_ cái mạ_ trời má_
- c con rá_ cá_ giấy tha_ củi cái bá_
- d con nga_ cá_ đất va_ xin ca há_

g, gh, ng, ngh

- a nhà __a __oan __ỉ ngơi cái __ế
- b __à voi __ềnh thác __ề nghiệp con __ồng
- c chú __ế nhà __èo __ạo nếp con __ựa
- d __i chép củ __ệ bấp __ô đà __à

4. Câu hỏi



- a. Vào buổi nào trong ngày mặt trăng mọc? _____
- ă. Vào buổi nào trong ngày mặt trời lên? _____
- â. Trong bài này mặt trăng mọc từ hướng nào? _____
- b. Kể tên 4 hướng: _____
- c. Em cho biết mặt trời mọc hướng nào? _____
- d. Ánh sáng của mặt trăng màu gì? _____
- đ. Trong rừng có những loài thú gì?

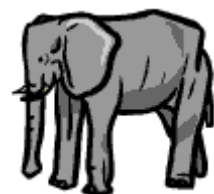
- e. Những con thú nào nhảy múa? _____
- ê. Loài thú nào đứng yên nhìn? _____
- g. Loài thú nào chuyên cày? _____
- h. Kể thêm tên 5 loài thú.

--	--	--	--	--

- i. Vẽ bốn hướng và điền tên của các hướng đó.

Con Voi

*Trông kìa con voi - nó đứng rung rinh
 Nghiêng mình trong nắng - bình minh đẹp tươi
 Anh chàng voi ta - thích chí mê toi
 Liền mời anh khác - đàng xa lại chơi.*



5. Chép lại các câu sau (nhớ chấm, phẩy và viết hoa)

a. trong khu rừng vắng chim sóc hươu nai yên lặng ngắm nhìn

Thí dụ: Trong khu rừng vắng: chim, sóc, hươu, nai yên lặng đứng nhìn.

ă. mẹ em tên hoa còn em tên mai

â. hôm qua bác tùng đi chợ mua cặp bút sách vở và gồm cho bạn tuần

b. lớp học của em có hai bạn nam tên thông bốn bạn nữ tên hồng còn cô giáo tên thủy

c. gia đình em gồm có ông bà cha mẹ và anh chị em

7. Nối số với dòng chữ cho sẵn.

- | | |
|-----------------------------|----------|
| a. Ba trăm năm mươi tám | * 15. 30 |
| b. Bốn ngàn bảy trăm lẻ hai | * 08. 04 |
| c. Mười lăm giờ ba mươi | * 358 |
| d. Bảy giờ rưỡi | * 1 200 |
| e. Ngày tám tháng tư | * 4 702 |
| g. Hai giờ mười bốn | * 8. 54 |
| h. Kém sáu phút chín giờ | * 7. 30 |
| i. Một ngàn hai trăm | * 2. 14 |



8. Viết các số sau thành chữ.

- | | | |
|------------------|------|-------|
| số 1: <u>một</u> | số 5 | số 9 |
| Số 2 | số 6 | số 10 |
| số 3 | số 7 | số 21 |
| số 4 | Số 8 | 4 000 |

3 257 đồng
10568 người
1 269
404
2.5.1959
563 1
404
55

9. Truyện: Trái Dưa Hấu

Ngày xưa, Vua Hùng Vương thứ 18 có nuôi một đứa bé trai thông minh khôi ngô, đặt tên là Mai Yên, hiệu là An Tiêm.

Nhưng An Tiêm lại kiêu căng cho rằng tự sức mình tài giỏi mới gây dựng được sự nghiệp, chứ chẳng nhờ ai. Vua cho là An Tiêm là kẻ kiêu căng vô ơn, bèn đẩy An Tiêm cùng vợ con ra một hòn đảo xa, ở ngoài biển Nga Sơn. Người vợ là nàng Ba lo sợ sẽ phải chết ở ngoài đảo. Nhưng An Tiêm thì bình thản nói: "Trời đã sinh ra ta, sống chết là ở Trời và ở ta, việc gì phải lo".

Hai vợ chồng An Tiêm cùng đứa con đã sống ở một bãi cát, trên hoang đảo. Họ ra sức khai khẩn, trồng trọt để kiếm sống. Một ngày kia, có một con chim lạ bay đến, nhả mấy hạt gì xuống đất. Được ít lâu, hạt nảy mầm, mọc dây lá cây lan rộng.

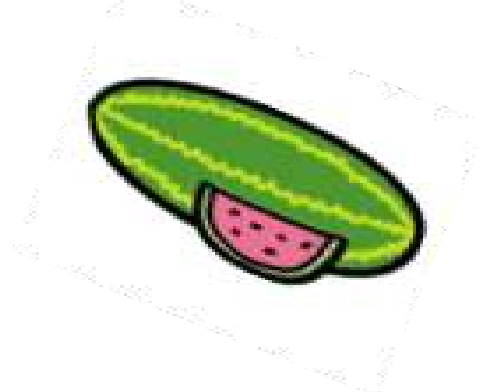
Cây nở hoa, kết thành trái to. Rất nhiều trái vỏ xanh, ruột đỏ.

An Tiêm bảo vợ: "Giống cây này tự nhiên không trồng mà có. Tức là vật của Trời nuôi ta đó". Rồi An Tiêm hái nếm thử, thấy vỏ xanh, ruột đỏ, hạt đen, mùi vị thơm và ngon ngọt, mát dịu. An Tiêm bèn lấy hạt gieo trồng khắp nơi, sau đó cây mọc lan ra rất nhiều.

Một ngày kia, có một chiếc tàu bị bão trôi dạt vào đảo. Mọi người lên bãi cát, thấy có nhiều quả lạ, ngon. Họ đưa nhau đổi thực phẩm cho gia đình An Tiêm. Rồi từ đó, tiếng đồn đi xa là có một giống dưa rất ngon ở trên đảo. Các tàu buôn tấp nập ghé đến đổi chác đủ thứ vật dụng và thực phẩm cho gia đình An Tiêm. Nhờ đó mà gia đình bé nhỏ của An Tiêm trở nên đầy đủ, cuộc sống sung túc. An Tiêm đặt tên cho thứ trái cây này là Tây Qua. Người Tàu ăn thấy ngon, khen là "hấu", nên về sau người ta gọi trại đi là Dưa Hấu.

Ít lâu sau, Vua sai người ra đảo dò xét xem gia đình An Tiêm sống hay chết. Sứ thần về kể lại cảnh sống sung túc và nhà cửa của vợ chồng An Tiêm, nhà vua ngẫm nghĩ thấy thậm phục đứa con nuôi, bèn cho triệu An Tiêm về phục lại chức vị cũ trong triều đình.

An Tiêm đem về dâng cho Vua giống dưa hấu mà mình may mắn có được. Rồi phân phát hạt dưa cho dân chúng trồng ở những chỗ đất cát, làm giàu thêm cho xứ Việt một thứ trái cây danh tiếng. Hòn đảo mà An Tiêm ở, được gọi là Châu An Tiêm.



10. Vẽ hình theo truyện trên và ghi chú thêm vào hình vẽ.

BÀI 5 TẬP ĐỌC

HAI CON DÊ



Dê đen và dê trắng cùng qua một chiếc cầu hẹp. Dê đen đi đằng này lại. Dê trắng đi đằng kia sang. Con nào cũng muốn tranh sang trước, không con nào chịu nhường con nào. Chúng húc nhau, cả hai đều rơi tòm xuống suối.

A. TẬP CHÉP LẠI BÀI NÀY.

B. TẬP ĐÁNH VẦN: ĐỌC VẦN - ÂM - DẤU
AO, AU, ÂU, IA, IU, ÊU

b	a-o	/	tờ báo
s	a-o		tại sao
ch	a-o	/	cơm cháo
ch	a-u	/	con cháu
s	a-u		phía sau
nh	a-u		như nhau
đ	â-u	\	cái đầu
r	â-u		bộ râu xấu
đ	â-u	.	con sâu đậu

k	i-a	\	kia, kìa
ch	i-a		chia
n	i-a	~	cái nĩa
n	i-u	/	níu áo
d	i-u	.	dịu dàng
ch	i-u	.	chịu
k	ê-u		kêu gọi
l	ê-u	\	cái lều
đ	ê-u	\	chia đều

C. BÀI TẬP

1. Tìm và tập đọc tiếng có âm:

Qu					
Nh					

2. Tìm và tập đánh vần 4 tiếng có vần:

ương				
ước				
uôi				
ep				
iêc				

3. Điền: n, ng, nh, ch

- a cái bà___ cây bà___ cái bá___ cấp bá___
 b cuốn sá___ cái sà___ buổi sá___ màu xa___
 c bến cả___ xe cá___ cá___ chim xa cá___
 d tha___ củi cái tha___ thà___ công thá___ đố

4. Điền vần: m, p, ng

Nă_ nay, Thấ_ đã là học sinh lớp một. Thấ_ chấ_ chỉ học tập. Em biết tự tấ_ cho mình, biết sấ_ xếp lại bàn ghế ngăn nấ_. Em thường đến thấ_ ông nội và khi ông ăn cơm xong em lấy tấ_ cho ông.

5. Tìm tiếng phản nghĩa với:

sau, rộng, lên, đen, đứng, kia

Trắng	Hẹp	Này
Trước	Xuống	Đi

6. Tìm tiếng đồng nghĩa với:

chật, rớt, giành, nhin, cụng, hai con dê

Húc =	Chúng =	Hẹp =
Nhường =	Rối =	Tranh =

7. " Chúng " là từ dùng để chỉ nhiều người khác khi ta nói đến. Kể thêm một số từ dùng để xưng hô.

a.	b.	c.
d.	e.	g.

8. Tập đặt câu với các từ sau:

đằng kia, trước, xuống, và



.....

.....

.....

.....

.....

9. Học thuộc lòng 29 mẫu tự của tiếng Việt và xếp riêng từng loại.

- a. Nguyên âm: _____
- b. Phụ âm: _____
- c. Phụ âm ghép: _____

10. Tìm tên người, đồ vật, con vật có chữ bắt đầu bằng những mẫu tự trên.

Tên người	Đồ vật	Con vật
<i>Ánh</i>		

11. Tìm từ trong khung có thể ghép với: Gia

<i>đình</i>	<i>họ</i>	<i>tuổi</i>	<i>tộc</i>	<i>sản</i>	<i>gian</i>	<i>tài</i>
<i>giày</i>	<i>ghế</i>	<i>bác học</i>	<i>sách</i>	<i>giáo</i>	<i>bớt</i>	<i>chánh</i>
<i>quảng cáo</i>	<i>nhập</i>	<i>súc</i>	<i>hạn</i>	<i>dấu</i>	<i>đối</i>	
<i>vị</i>						

<i>gia tộc</i>		



BÀI 6 HỌC THUỘC LÒNG

CÁI BỔNG

Cái bồng là cái bồng bang
 Khéo sảy, khéo sàng cho mẹ nấu cơm.
 Mẹ bồng đi chợ đường trơn,
 Bồng ra gánh đỡ chạy cơn mưa ròng.

A. TẬP CHÉP LẠI BÀI NÀY

B. TẬP ĐÁNH VẦN: ĐỌC VẦN - ÂM - DẤU ANH, ÊNH, INH, ACH, ÊCH, ICH

	a-nh	anh
b	a-nh /	bánh
c	a-nh ?	cảnh
ch	a-nh	chanh
b	ê-nh .	bênh, bệnh
k	ê-nh	kênh
ch	ê-nh	chênh
b	i-nh	binh
t	i-nh /	tính

s	i-nh	sinh đẻ
x	i-nh	xinh đẹp
c	a-ch /	cách
s	a-ch /	sách vở
kh	a-ch /	khách lạ
	ê-ch /	con ếch
đ	i-ch .	thù địch
ch	i-ch /	chích thuốc
th	i-ch /	thích

C. BÀI TẬP

1. Tìm 4 tiếng có vần:

ong: trong				
ông: trông				
ơn: hơn				
eo: kéo				

Bài hát

Tang Tang Tang Tính

*Tang tang tang tình tang tính, Ta ca ta hát vang lên
Hát lên cho đời tươi sáng. Hát lên cho quên nhọc nhằn.*

*Cùng nhau ta ca hát lên. Cho át tiếng chim trong rừng
Cho tiếng suối reo phải ngừng. Cho trời xanh đón chờ ta. La! La! La!*

2. Điền uôi hay ươi?

Khánh năm nay m_____ t_____ đã theo anh ra vườn t_____
cây. Phụ anh chặn n_____ đàn lợn. Nhờ anh em Khánh
chăm chỉ nên cây cối t_____ tốt và đàn lợn to như thổi.

3. Điền vào chỗ trống ch, tr, v, d, gi

a bụi ___e màu ___àng thi ___ạy ___anh bong

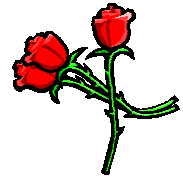
b quyền ___ở ___ọ trời đôi ___ây ___ạy đỡ

c sao ___ổi ___ia đình quả ___uổi ___iỏ tay

d ___iỏ cá cặp ___a con ___ai đi ___ề

4. Điền vần iêc, iêt, uyêt, uyt.

- a t____ nhỏ máu h____ thời t____ tu h____
 b nói th____ t____ rơi chị Ng____ hiểu b____
 c một ch____ xem x____ xe b____ trái q____
 d q____ định keo k____ câm đ____ xanh b____



5. Điền dấu giọng vào đoạn văn sau.

Ngay mai là ngày tửu trưởng. Mẹ dân em đi chợ mua
 cặp mới. Em được chị Nguyệt cho năm quyển vở. Anh
 Tuấn thi cho cai đồ chuôt xinh xinh. Ba đong cho em
 cai ban học mới bằng gỗ dâu bong loang.

6. Câu hỏi

a. Bống giúp mẹ làm gì để mẹ nấu cơm?

ă. Bống là con trai hay con gái? _____

â. Tại sao đũa bị trơn? _____

b. Mẹ bống đi đâu? _____

c. Bống giúp mẹ làm gì để tránh mưa? _____

d. Đứa bé tên Bống trong bài này thế nào?

_ ngoan _ hủ _ siêng năng _ có hiểu _ ngu dốt _ hiền lành _ hung
 dữ _ thương mẹ _ làm biếng

7. Kể những công việc em thường làm để giúp cha mẹ hàng ngày.

8. Sắp các từ trong câu sau lại cho đúng nghĩa.

a. sang Dê đi kia trắng đàng

ã. Năm học nay học lớp em ba

â. giáo em quyển cho sách Cô

b. đi hè thường em bởi Mùa

c. đập hai Chiếc cái có bánh xe xe

9. Nối các từ về cách nấu và thức ăn cho thích hợp.

nấu, chiên, kho, nấu, nướng, chiên, luộc, chưng,
cơm, bánh, rau, cá, thịt, chả, sườn, bánh xèo

<i>Nấu cơm</i>			

10. Ghép từ ĂN với từ trong khung.

<i>nói</i>	<i>học</i>	<i>khăn</i>	<i>cấp</i>	<i>cửa</i>	<i>trộm</i>
<i>năn</i>	<i>vách tường</i>	<i>gian</i>	<i>tiền</i>		
<i>cướp</i>	<i>tham</i>	<i>bóng đèn</i>	<i>hàng</i>	<i>uống</i>	
<i>thua</i>	<i>kiến</i>	<i>theo</i>	<i>hiếp</i>	<i>tủ kiến</i>	<i>mặc</i>
<i>làm</i>	<i>son</i>	<i>xe</i>	<i>chạy</i>	<i>chực</i>	<i>ở</i>

11. Điền dấu vào bài: Phù Đổng Thiên Vương



1	2	3	4	17	18	19	20
Câu	be	lên	ba.	Vươn	vai	lớn	dây,
5	6	7	8	21	22	23	24
O	lang	Phu	Đông.	Nhay	lên	ngựa	sắt.
9	10	11	12	25	26	27	28
Đáp	lời	vua	gọi.	Đuôi	giắc	vê	Tau.
13	14	15	16	29	30	31	32
Chông	giắc	xăm	lãng.	Ngan	sau	ghi	nhơ.

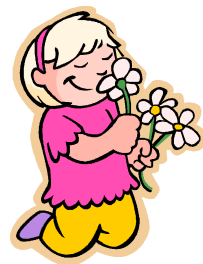
12. Bỏ từ không cùng nhóm.

1. cam quýt lửa lê đào dưa leo
2. ghế bàn cha mẹ tủ giường
3. biển núi học rừng đồi
4. giày giấy bút chở tập thước
5. ông bà bạn cháu hàng xóm con
6. xe lửa máy bay nhà tàu cửa thuyền
7. lá cánh cành cây rễ trái hỏi hoa
8. đi hỏi ăn nói giỏ cau
9. khiêng nặng mang vác xách xách
10. ai thích mặc đội mang quần quàng
11. lớn trả lời quây quần cao sâu nặng
12. mưa nắng nắng tuyết rơi gió thổi
13. sắn sáng tối tối sớm trưa
14. ớt tỏi hành hành tiêu cải
15. vớt (tắt) giày mũ (nón) bao gối bao tay (găng)
16. chữ a chữ u chữ o chữ d chữ c chữ ê

BÀI HÁT

Tết Trung Thu

Tết Trung thu rước đèn đi chơi
 Em rước đèn đi khắp phố phường.
 Lòng vui sướng với đèn trong tay.
 Em múa ca trong ánh trăng rằm.
 Đèn ông sao với đèn cá chép.
 Đèn thiên nga với đèn bướm bướm.
 Em rước đèn này đến cung trăng.
 Đèn xanh lơ với đèn tím tím,
 Đèn xanh xanh với đèn trắng trắng.
 Trông ánh đèn rực rỡ muôn màu.



BÀI 7 TẬP ĐỌC CON CHUỘT PHÁT PHI



Chuột ta gặm vách nhà. Một cái khe hở hiện ra. Chuột chui qua khe hở và tìm được nhiều thức ăn. Là một con chuột tham lam nên nó ăn nhiều quá, nhiều đến mức bụng nó phình to ra.

Đến sáng, chuột tìm đường về ổ, nhưng bụng to quá, nó không sao lách qua khe hở được.

A. TẬP CHÉP BÀI NÀY.

B. TẬP ĐÁNH VẦN: ĐỌC VẦN - ÂM - DẤU UÔI, UÔC, UÔT, ƯƠI, ƯƠC, ƯỚT,

b	u-ô-i	?	buổi sáng
đ	u-ô-i	?	đuôi, đuổi
t	u-ô-i	?	tuổi
đ	u-ô-c	/	cây đuốc
th	u-ô-c	/	thuốc
b	u-ô-c	.	cột, buộc
ch	u-ô-t	.	con chuột
n	u-ô-t	/	nuốt
s	u-ô-t	/	suốt ngày

c	ư-ơ-i	\	cười
l	ư-ơ-i	~	lưỡi
ng	ư-ơ-i	\	người
b	ư-ơ-c	/	bước
n	ư-ơ-c	/	nước
	ư-ơ-c	/	mơ ước
	ư-ơ-t	/	ẩm ướt
l	ư-ơ-t	.	đến lượt
tr	ư-ơ-t	.	trượt băng

C. BÀI TẬP**1. Tìm 3 tiếng có vần:**

ăm: nắ				
iêu: tiêu				
uôt: chuốt				
ức: ngực				

2. Điền vào chỗ trống.

c, k	<p>a. Bà _ể chuyện cổ tích cho cháu nghe.</p> <p>b. Ông trồng _ây _ảnh.</p> <p>c. Trò chơi” _éo _ửa lửa xẻ”</p> <p>d. Bạn _ảnh và _iêu _ãi nhau.</p>
------	--

iêu, yêu

iêu, yêu	<p>H___ học giỏi, có năng kh___ vẽ.</p> <p>Bố mẹ rất ___ quý H___.</p> <p>Nhưng H___ th___ đạo đức.</p> <p>H___ không giúp đỡ ai mà lại còn k___ căng.</p> <p>Cuối năm H___ được điểm ___ về đạo đức.</p>
-------------	---

im, iêm

- a trái t___ lúa ch___ kh___ tốn kim t___
- b tìm k___ ___ lạng m___ cười cây k___

s, x

- c _e lu dòng _ông con _óc nước _ôi
- d _ể gỗ cim _e _ể gần _a _ủ tử

3. Câu hỏi

- a. Tại sao bụng của chuột to quá? _____
 ă. Nhờ đâu có khe hở trên vách nhà?

- â. Bên kia vách chuột tìm được gì? _____
 b. Chuột có về ổ được không? _____
 c. Tại sao? _____
 d. Con chuột trong chuyện này là một con chuột thế nào? _____

4. Điền các từ tai, đuôi, tham lam, ổ vào chỗ trống.

- a. Con chuột có hai cái.....
 b. Chuột muốn tìm về.....
 c. là ăn nhiều quá.
 d. Người ta không có.....
 e. Chuột có..... ở phía sau mông.



5. Tìm từ trái nghĩa với:

a	nhều	to	phình
b	no	sáng	về

6. Tìm từ đồng nghĩa với: lăm, thấy, mập, cạp, ham, lách

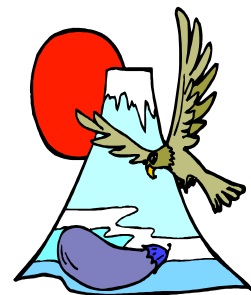
a	phì=	tham lam=	chui=
b	tìm được=	gặm=	quá=

7. Vẽ hình và kể tên những bộ phận về thân thể:

Con người:	Con vật:

8. Đánh dấu X vào những câu sai.

- a. Con chuột đi bằng hai chân.
- ă. Ông bà nội sinh ra ba của em.
- â. Mùa hè, ở Phần Lan có tuyết.
- b. Chuột có bốn cái chân.
- c. Trái chanh thì ngọt.
- e. Chị thì lớn hơn em.
- ê. Sữa bán ở tiệm giày.
- g. Quả dưa hấu màu trắng.
- h. Đường thì ngọt.
- i. Mùa thu lá rụng nhiều.
- k. Con heo cho ta sữa.
- l. Gạo nấu chín gọi là cơm.



9. Chọn từ trong hàng đặt câu.

a. nhà Lãm bi tắm bệnh chơi cảm.

a. Tay gối dơ phải cho rửa mềo giấy!

a. Anh ba Tôi vậy thích ăn tay cháo gà.

b. Bà ba nội kể mền chuyện chợ cổ tích khóc.

c. Ai Bé Trang chạy ngoan con thỏ ngoan.

d. Em nằm pha cà phê trà cho ba đường.

d. Tối Em cái đèn thức dậy kính lúc bảy giờ.

e. Ngoài Chúng thấy em là chuột học sinh.

e. Em bạn cho bạn nói mượn quà sách.

10. mặt trắng Tài xế quần lái giặt xe.

BÀI 8 HỌC THUỘC LÒNG **CHỖ ĐỂ NGÀY MAI**

Một cậu bé chuyện trò cùng mẹ.



Rằng: Đến mai con sẽ xin ngoan.

- Đến mai con sẽ xin ngoan?

Đến mai con khất, lại hoàn ngày kia.

Con ơi! Con chớ hề nói thế.

Chuyện hôm nay chớ để ngày mai.

Chi bằng con nói thế này:

Mẹ ơi, con muốn ngoan ngay bây giờ!

A. TẬP CHÉP LẠI BÀI NÀY.

B. TẬP ĐÁNH VẦN: ĐỌC VẦN - ÂM - DẤU
UYÊN, IÊNG, YÊN, IÊN, OAN, OANG,

t uyên ? tuyền

ch uyên . chuyện

qu uyên \ quyền

b iêng / làm biếng

t iêng / tiếng

b iên ? biển

t iên \ tiền

yên yên ngựa

h oan \ hoàn toàn

t oan / làm toán

kh oang ? khoảng

th oang ? thoáng

C. BÀI TẬP

1. Nghe cô giáo đọc điền vào chỗ trống âm: X, S

- | | | | | |
|---|-----------|----------|------------|-----------|
| a | Chim _âu | _âu cá | _ường _uồn | _inh _inh |
| b | _e tắc _i | Chiến _ĩ | Chim _e _ẻ | Đi _a |
| c | _ê dịch | _ì hỏi | Bánh _u _ê | Lộn _ề |
| d | _ập _ê | _ỏ _ác | Con _ông | Lo _ộ |
| e | _ầu _í | Chiếc _e | Làm _ong | _ử tử |

2. Nghe cô giáo đọc và điền dấu hỏi, ngã.

- | | | | | |
|----|----------|----------|-----------|----------|
| a. | Môi lân | Mong moi | Mo chim | Go mo |
| b. | Phân nửa | Ăn nửa | Uống sữa | Sữa chua |
| c. | Đa quá | Đa trê | Đi vớ vẩn | Vấn còn |
| d. | Cai lộn | Rau cai | Ve hình | Vui ve |

3. Điền vào chỗ trống.

- | | | | | | |
|-------------------------|----|------------|------------|------------|------------|
| g,
gh,
ng,
ngh | a. | con ___ẹ | bè ___ỗ | đàn ___an | ___a tàu |
| | b. | ___e nhạc | đông ___ít | ___ọn tháp | ___ề nông |
| | c. | gồ ___ề | ngõ ___ịch | ___im áo | thơm ___át |
| | d. | ___ọn gàng | ___ang dọc | ___i chếp | con ___ầu |

- | | | | | | |
|------------|----|-----------|----------|-----------|-----------|
| uôt
uôc | a. | con chuộ_ | rau luộ_ | ruộ_ gan | suố_ ngày |
| | b. | thầy thuố | buộ_ tóc | thuộ_ bài | thua cuộ_ |

- | | | | | | |
|----------|----|---------|----------|---------|----------|
| ửu
ửu | a. | ốc bử_ | về hử_ | cái nử_ | trái lử_ |
| | b. | con hử_ | uống rử_ | lử_ giữ | con củ_ |

4. Câu hỏi về bài học

a. Cậu hứa gì với mẹ?

b. Cậu có giữ lời hứa không? Cậu đã làm thế nào?

c. Người mẹ khuyên con nên thế nào?

5. Gạch bỏ những từ nào không thuộc nhóm.

- a. sách, bút, cặp, xe, gôm
- b. cà, ớt, muối, bông, dưa leo
- c. nhà, máy bay, tàu hỏa, thuyền
- d. ba, bạn, mẹ, con, chị
- e. chó, mèo, mây, heo, hươu
- f. áo, quần, nón, ghế, vỏ
- g. chuối, lê, hồng, chanh, thơm
- h. đường, muối, tiêu, kẹo
- i. ghế, xe, bàn, giường
- j. đàn ông, đàn, tàu thủy, trẻ con, con trai
- k. nhà, chợ, công viên, thư viện
- l. ngón tay, bệnh viện, chân, da, đầu
- m. chữ A, chữ G, chữ E, chữ O
- n. giặt, gọi, rửa, lau
- o. cốm, thịt, cá, gà



6. Chọn từ trong khung viết thêm vào chỗ trống những từ thường đi chung.

ghế, cô, mẹ, lá, chị, hoa, sóc, đẹp, cười,
cháu, thưởng, kiếm, học, vở, má, bà

Anh	Ba	Cha	Thầy
Chăm	Bông	Xinh	Cây
Tìm	Con	Yêu	Khóc
Bạn	Bàn	Sách	Ông

7. Lấy từ trong khung đặt câu.

bác Hai
chiếc xe
mẹ em
em bé
chị Thanh

nấu
làm nghề
đóng
đi chợ
chạy

mua sữa
cơm chiều
trên đường
uốn tóc
bàn ghế

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

8. Chọn vần thích hợp điền vào chỗ trống.

a. ạo - ính - ột - úi - iếu - uồn - ãa - ước

Công cha như n úi thái sơn,
 Ngh.... mẹ như n.... trong ng.... chảy ra.
 M.... lòng thờ mẹ k.... cha,
 Cho tròn chữ h.... mới là đ... con.



b. oài -- ây - ong - ài - ía -- ua

Mẹ em đi chợ ðàng tr.....,
 Mua một c.... m..... vừa cong, vừa dài.
 Mẹ em đi chợ ðàng ng.....,
 M.... một cây mía vừa d....., vừa cong.

9. Vẽ hình truyện: Baáh chưng bánh dầy

10. Truyện: Bánh chưng bánh dày

Ngày xưa, đời Vua Hùng Vương thứ 6, sau khi đánh dẹp xong giặc Ân, vua có ý định truyền ngôi cho con.

Nhân dịp đầu Xuân, vua mới họp các hoàng tử lại, bảo rằng: "Con nào tìm được thức ăn ngon lành, để bày cỗ cho có ý nghĩa nhất, thì ta sẽ truyền ngôi vua cho".

Các hoàng tử đua nhau tìm kiếm của ngon vật lạ dâng lên cho vua cha, với hy vọng mình lấy được ngai vàng.

Trong khi đó, người con trai thứ 18 của Hùng Vương, là Tiết có tính tình hiền hậu, lối sống đạo đức, hiếu thảo với cha mẹ. Vì mẹ mất sớm, thiếu người chỉ vẽ, nên ông lo lắng không biết làm thế nào.

Một hôm, Tiết Liêu nằm mộng thấy có vị Thần đến bảo: "Này con, vật trong Trời Đất không có gì quý bằng gạo, vì gạo là thức ăn nuôi sống con người. Con hãy nên lấy gạo nếp làm bánh hình tròn và hình vuông, để tượng hình Trời và Đất. Hãy lấy lá bọc ngoài, đặt nhân trong ruột bánh, để tượng hình Cha Mẹ sinh thành"

Tiết Liêu tỉnh dậy, vô cùng mừng rỡ. Ông làm theo lời Thần dặn, chọn gạo nếp thật tốt làm bánh vuông để tượng hình Đất, bỏ vào chỗ chưng chín gọi là Bánh Chưng. Và ông giã xôi làm bánh tròn, để tượng hình Trời, gọi là Bánh Dầy. Còn lá xanh bọc ở ngoài và nhân ở trong ruột bánh là tượng hình cha mẹ yêu thương đùm bọc con cái.

Đến ngày hẹn, các hoàng tử đều đem thức ăn đến bày trên mâm cỗ. Ôi thôi, đủ cả sơn hào hải vị, nhiều món ngon lành. Hoàng tử Tiết Liêu thì chỉ có Bánh Dầy và Bánh Chưng. Vua Hùng Vương lấy làm lạ hỏi, thì Tiết Liêu đem chuyện Thần báo mộng kể, giải thích ý nghĩa của Bánh Dầy Bánh Chưng. Vua cha nếm thử, thấy bánh ngon, khen có ý nghĩa, bèn truyền ngôi Vua lại cho Tiết Liêu con trai thứ 18.

Kể từ đó, mỗi khi đến Tết Nguyên Đán, thì dân chúng làm bánh Chưng và bánh Dầy để dâng cúng Tổ Tiên và Trời Đất



BÀI 9 BÀ VÀ CHÁU

Mẹ mang về cho Diệu Thu một quyển sách. Mẹ nói:

- Khi con còn nhỏ, bà thường đọc sách và kể chuyện cho con nghe. Bây giờ con đã lớn, con đã biết đọc, biết viết. Con hãy đọc sách cho bà nghe.

Diệu Thu chạy đến bên bà:

- Bà ngồi xuống đây, cháu đọc truyện cho bà nghe nhé!

A. TẬP CHÉP LẠI BÀI NÀY.

B. TẬP ĐÁNH VẦN: ĐỌC VẦN - ÂM - DẤU

AN, ẪN, ẬN, EN, ÊN, IN, ON, ÔN, ỚN, UN

b	a-n	.	bạn Lan
đ	a-n	\	cây đàn
c	a-n	?	ngăn cản
	ă-n		ăn cơm
kh	ă-n		khăn
c	ă-n	/	cẩn
r	ă-n	/	rắn
c	â-n		cái cân
gi	â-n	.	giận
b	e-n	/	bén
h	e-n	.	hẹn

đ	ê-n	/	đến
tr	ê-n		lên trên
t	i-n		tin tức
x	i-n		xin
đ	o-n	/	đón con
ch	o-n	.	chọn
b	ô-n	\	bồn tắm
h	ô-n	~	hỗn hào
l	ơ-n	/	lớn hơn
gi	ơ-n	~	Sơn giả
b	u-n	/	bún vụn

C. BÀI TẬP

1. Cho 4 tiếng có vần:

ach: sách				
ay: hây				
ây: đây				

2. Điền vào chỗ trống.

- | | | |
|-------------------|---------------------------|-------------------------|
| r
d
gi
v | a. Thầy ___áo ___ạy học. | ă. Bé nhảy ___ây. |
| | â. ___ó thổi ___ù ___ù | b. Trồng cây gây ___ng. |
| | c. Đi ___ô rồi đi ra. | d. ___a đình hòa thuận. |
| | đ. ___ân ___àu nước mạnh. | e. Mua ___ải may áo. |

- | | |
|--------------|---|
| c
k
qu | a. túi ___ẹo cái ___ần ___ây ___im ___ả ___am |
| | b. cây ___ýt ___ên ___ây phá con ___ừu |
| | c. cây ___ao cày ___ấy ___éo ___o ___on ___iến |
| | d. ___á ___ả ___ao ngất ___ẹo trái ___ây quần |

- | | | |
|---------------|---------------------------|----------------------|
| n
nh
ên | a. Đàn ki___ đang bò. | Bé biết tí___ toán. |
| | b. Bạn Nam ti___ bộ. | Ông đọc ti___ tức. |
| | c. Không được làm phi___. | Bạn tôi tên Tí___. |
| | d. Ăn mỳ xi___ tiên. | Thiên nh___ tuổi đẹp |

- | | | |
|--------|--------------------------|---------------------|
| c
t | a. Họ bắ_ tay chào nhau. | Bé treo áo lên mắ_. |
| | b. Gió mùa đông bắ_. | Cảnh tượng đẹp mắ_. |

3. Ghép các từ sau và viết lại vào ô trống:

Quyển	sách
Ngồi	truyện
Bà	giỏ
Đọc	cháu
Xách	đọc
Kể	xuống
Biết	chuyện

4. Câu hỏi về bài học.

a. Mẹ Thu mang về cho Diệu Thu cái gì?

--

b. Mẹ Diệu Thu bảo em phải làm gì?

--

c. Khi Diệu Thu còn nhỏ ai đọc sách và kể chuyện cho em nghe?

d. Bây giờ đã biết đọc, biết viết, Diệu Thu phải làm gì?

--

e. Tại sao Diệu Thu phải làm như vậy?

--

g. Em đã làm gì để đền đáp công ơn cha mẹ?

--

5. Danh từ là tiếng chỉ: đồ vật, tên người, địa danh, trái cây, con vật, đồ vật, sự việc...

a. Hãy kể những tiếng danh từ mà em biết.

Đồ vật	Tên người	Thú vật	Địa danh	Sự việc
cái tủ	Minh	con chó	Sài Gòn	chuyện ăn

b. Tìm tiếng danh từ trong đoạn văn sau.

Toại là con ông Huy. Toại lại kém thông minh. Nó học môn toán rất tệ. Ông Huy dạy toán thêm cho Toại. Một hôm ông hỏi:

- Toại! Chung cư này có 5 tầng. Muốn lên 1 tầng phải leo lên 12 bậc thang. Nhà ta ở tầng thứ 5. Ta phải leo bao nhiêu bậc thang? Toại ngước nhìn lên nhà và trả lời.
- Phải lên tất cả các bậc thang ba à!

1.	2.	3.	4.	5.
----	----	----	----	----

6.	7.	8.	9.	10.
----	----	----	----	-----

11.	12.	13.	14.	15.
-----	-----	-----	-----	-----

6. Điền vần cho sẵn vào chỗ trống.

uối - ần - uyện - ưa - uối - ột ông - ông - ăn - ồi - ững - on

Tan b____ học mẹ ng____ tựa cửa.

Mắt tr____ con đùa đùa về lân.

Xa xa c____ đã tới gần.

Các con về đủ, quây qu____ bữa ăn.

Cơm d____ m____ khó kh____ mới có,

Của kh____ ngon, nhà khó c____ ngon.

Khi vui câu ch____ thêm giòn,

Chồng chồng, vợ vợ, con con m____ nhà.

7. Tách rời chữ ra, viết lại cho thành bài.

Sự ăn uống cần nhát là sạch sẽ.

Đừng gặp giã nấy hay gặp giũ ống nấy.

Những thức ăn thức uống nê nấ u ch ín.

Nếu không giữ gìn được như vậy sẽ mắc nhiều bệnh.

Trái cây trước khi ăn phải rửa sạch.

Không nên ăn uống nhiều quá có hại cho sức khỏe.

--

--

--

--

--

--

--

BÀI 10 HỌC THUỘC LÒNG NẶN ĐỒ CHƠI



Bên thêm gió mát
Bé nặn đồ chơi,
Mèo nằm vẫy đuôi
Tròn xoe đôi mắt.
Đây là thằng chuột
Tặng riêng chú mèo,
Mèo ta thích chí
Vênh râu meo meo.

Đây là quả thị,
Đây là quả na,
Quả này phần mẹ,
Quả này phần cha.



A. TẬP VIẾT LẠI BÀI TRÊN.

B. TẬP ĐÁNH VẦN: ĐỌC VẦN - ÂM - DẤU EO, OE, UÊ, ÊU, OA, OAI, ƯU, ƯƠU

h	e-o	con heo	l	o-a	cái loa
th	e-o	đi theo	h	o-a	bông hoa
h	o-e	đỏ hoe	kh	o-a-i	củ khoai
x	o-e	\ xòe tay	th	o-a-i	. điện thoại
đ	ê-u	\ chia đều	h	ư-u	về hưu
th	ê-u	thêu hoa	l	ư-u	lưu lại
th	u-ê	/ đóng thuế	h	ư-ơ-u	con hươu
H	u-ê	/ Huế	r	ư-ơ-u	. uống rượu

C. BÀI TẬP

1. Điền vần UÔT, UÔC, UÔI, UI, OE, EO vào chỗ trống.

- a. Con ch_____ Cái đ_____ Kẹo ch_____ Ngược x_____
- b. Gọt ch_____ Đ_____ mù Kh_____ của B_____ sáng
- c. Mười t_____ Hên x_____ Dưa l_____ Đồ kh_____
- d. L_____ rau Ăn n_____ Con n_____ Ngh_____ giàu
- e. Ngọn đ_____ Mắm r_____ X_____ tay Hôi th_____
- g. L_____ trèo Th_____ bài X_____ cánh Kh_____ khoang
- h. Chín m_____ Đỏ h_____ Uống th_____ Kh_____ mạnh

2. Nghe cô đọc và điền vào chỗ trống cho đúng những âm: V, GI, R, TR, CH, D

- a vẽ _____ ăn mưa _____ ào _____ ọ _____ ời chị _____ ân
- b _____ iếc vỏ _____ ay _____ ỗ _____ i _____ u _____ iếc _____ ày
- c đi _____ è _____ úp đỡ _____ áo _____ iên _____ ủ _____ ê
- d _____ ả _____ ò _____ ái _____ anh _____ a đình mặt _____ ời
- e gió _____ e _____ iến _____ anh mặt _____ ăng _____ è quê
- g _____ ẻ con cái _____ ường _____ ượu dâu _____ a mẹ

3. Điền vào chỗ trống: ng, ngh

_____ ày mới đi học, Cao Bá Quát viết chữ xấu như gà bới.
Sau nhờ kiên trì luyện tập _____ ày đêm quên cả _____ ỉ _____ ời,
ông đã trở thành _____ ười nổi tiếng viết chữ đẹp.



6. Tách rời chữ ra và viết lại cho thành bài.

Ông bà sinh rạch ròi là ông bà nội.

Ông bà sinh rạch ròi là ông bà ngoại.

Ông bà nào cũng thủng thủng các cháu.

Dù gì là yếu ông bà cũng vẫn đỡ đỡ, bênh vực, rạch ròi, kể chuyện cốt tích cho các cháu.

Bổn phận của các cháu là phải yêu mến ông bà.

7. Điền từ vào chỗ trống.

*quần áo -- tiểu học -- miệng -- ra chơi - nổi –
cha mẹ - Việt Nam -- ngoan ngoãn – giảng bài -- học*

- a. Trường học của em rất lớn.
- b. Mỗi giờ học chúng em có 15 phút _____
- c. Cổ là bộ phận _____ đầu với mình.
- d. Cô giáo _____ rõ ràng, dễ hiểu lắm.
- e. Em là người _____ nên em học tiếng Việt.
- g. Trong _____ có nhiều răng và lưỡi.
- h. Chúng em _____, chăm chỉ học hành.
- i. Em đang học trường _____ gần nhà.
- k. Em sắp xếp _____ ngăn nắp.
- l. Cô giáo mời _____ đến học.

8. Đố em cái gì đây?

a. Cái gì còn gọi là thìa? _____

ă. Cái gì còn gọi là tất? _____

â. Cái gì còn gọi là bác? _____

b. Cái gì còn gọi là ô? _____

c. Cái gì còn gọi là tô? _____

d. Cái gì còn gọi là thúng? _____

đ. Cái gì còn gọi là ủng? _____

9. Vẽ hình theo truyện: Ăn trộm mèo

10. Truyện: Ăn Trộm Mèo

Nhà vua có một con mèo quý, xích bằng xích vàng và cho mèo ăn những đồ mỹ vị. Quỳnh vào cung, trong thấy, bắt trộm về, cắt xích vàng đi mà buộc xích sắt, nhốt một chỗ, đến bữa thì để hai bát cơm, một bát thịt cá, một bát rau nấu đậu tằm. Mèo ta quen ăn miếng ngon chạy đến bát cơm thịt cá chực ăn. Quỳnh cầm sẵn roi, hễ ăn thì đánh. Mèo đói quá, phải ăn bát rau nấu đậu tằm. Như thế, được hơn nửa tháng, dạy đã vào khuôn, mới thả ra. Vua mất mèo, tiếc quá, cho người đi tìm, thấy nhà Quỳnh có một con giống hệt, bắt Quỳnh đem mèo vào chầu. Vua xem mèo, hỏi:

- Sao nó giống mèo của trẫm thế? Hay khanh thấy mèo của trẫm đẹp bắt đem về, nói cho thật!

- Tâu bệ hạ, bệ hạ nghi cho hạ thần bắt trộm, thật là oan, xin bệ hạ đem ra xử thì biết.

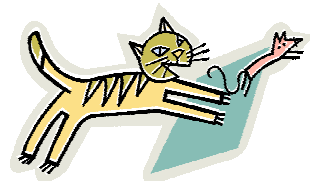
- Xử thế nào? Nói cho trẫm nghe.

- Muôn tâu bệ hạ, bệ hạ phú quý thì mèo ăn thịt cá, còn hạ thần nghèo túng thì mèo ăn cơm với đậu tằm, rau luộc. Bây giờ để hai bát cơm ấy, xem nó ăn bát nào thì biết ngay.

Vua sai đem ra xử. Con mèo chạy thẳng đến bát cơm rau, ăn sạch.

Quỳnh nói:

- Xin bệ hạ lượng cho, người ta phú quý thì ăn cao lương mỹ vị, bần tiện thì cơm hẩm, rau dưa. Mèo cũng vậy, phải theo chu. Rồi lạy tạ đem mèo về.



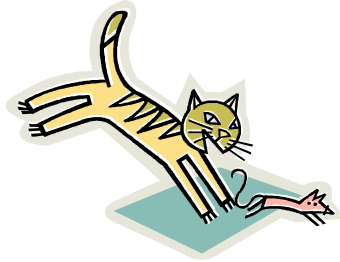
BÀI HÁT

A chào ba, a chào má

1. *A chào ba, a chào má. A chào ông bà, cả nhà cùng ca.*
2. *O chùm nho. O cùng ngó. O kìa con bò, thật bự thật to.*
3. *Ô mì đầy tô. Ô mà ăn có. Ô mệt thấy mô, liệu chừng ngồi bô.*
4. *O tay này dơ. O này nên nhớ. O đừng có lờ, làm bộ ngẩn ngơ.*
5. *E ngồi xe. E cùng em bé. E cầm ly chè, để dành mời me.*
6. *Ê ngồi lê. Ê không ngồi trên ghé. Ê mặt như hê, mọi người cười chê.*
7. *I hòn bi. I nào mượn tí. I mà em lỳ, bị rầy lạ chi.*
8. *U đồng xu. U vườn thú. U đầy sương mù, là ngày mùa thu.*
9. *U nhà sư. U trồng cây sứ. U kìa ông từ, ngồi chùi bộ lư.*

Con mèo hư

*Meo meo meo rửa mặt như mèo
Xấu xấu lắm chẳng được mẹ yêu
Khăn mặt đâu mà ngồi liếm mép
Lau mắt rồi còn khóc meo meo*



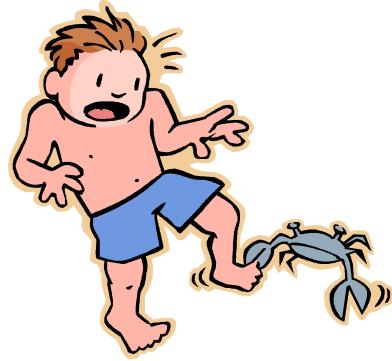
Thằng cuội

*1. Bóng trắng trắng ngà có cây đa to
Có thằng Cuội già ôm một mối mơ
Lặng im ta nói Cuội nghe. Ở cung trăng mãi làm chi
Bóng trắng trắng ngà có cây đa to
Có thằng Cuội già ôm một mối mơ*

*2. Gió không có nhà. Gió bay muôn phương
Biên biệt chẳng ngừng. Trên trời nước ta
Lặng nghe trăng gió bảo nhau
Chị kia quê quán ở đâu. Gió không có nhà
Gió bay muôn phương. Biên biệt chẳng ngừng
Trên trời nước ta*

5 ngón tay ngoan

1. Xòe bàn tay đếm ngón tay
 Một anh béo trông thật đến hay
 Cả ngày vui ai có việc
 Là em giúp luôn không ngại yên
 Kề bên em đứng thứ hai
 Một em tính thật thà dễ thương
 Hỏi rằng em cao nhất nhà
 Thì em lắc luôn ngay cái đầu



2. Xòe bàn tay đếm ngón tay
 Một em đứng trông thật đến cao
 Hỏi rằng em cao thế này
 Thì em nói em chăm thể thao
 Cạnh bên em đứng thứ tư
 Hỏi em đã biết đọc chữ chưa
 Thì em thưa em biết rồi
 Và em đứng nghiêm giờ tay chào

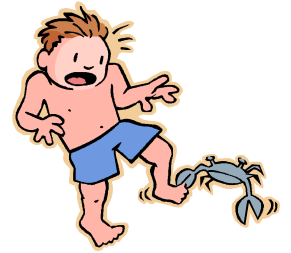
3. Xòe bàn tay đếm ngón tay
 Một em bé trông thật rất xinh
 Hỏi rằng ai, em út nhà
 Thì em hát luôn theo điệu ca
 Rằng là em bé rất ngoan
 Thường hay khám tay sạch các chị
 Làm vệ sinh, hay quét nhà
 Và múa hát cho vui ông bà

Hai con thằn lằn

Hai con thằn lằn con đùa nhau cắn nhau đứt đuôi.
 Cha thằn lằn buồn hiu gọi chúng đến mỗi mắng cho.
 Hai con thằn lằn con đuôi thì to những đã cụt rồi.
 Ôi đốn đau quá trời chúng khóc la tởm bời.

Cầu cá

Chiều nay em đi cầu cá và đem rá theo bắt cua.
 Làm sao cho kha khá về cho má nấu canh chua.
 Ô! kìa con cua! Ô! kìa con cua!
 Mình đừng la lổn nó chui xuống hang. (2 lần)



Con voi

Trông kìa con voi nó đứng rung rinh.
 Nghiêng mình trong đám nhện đang vò tơ.
 Anh chàng voi ta thích chí mê tở.
 Liền mời anh khác đàng xa vào chơi.

Ra mà xem

Ra mà xem con gì nó ngồi trong hốc.
 Nó đưa cái lưng ra ngoài. Ấy là con cóc, con cóc.
 Con cóc nó ngồi trong hốc. Nó xoay cái lưng ra ngoài.
 Ấy là cóc con!

Làm quen

Một nụ cười là quen hai tay đều giở bắt.
 Hai cái cười làm quen chúng ta kết thân xóm làng.

Cái nhà

Cái nhà là nhà của ta.
 Công khó ông cha lập ra.
 Cháu con hãy gìn giữ lấy,
 muôn năm kiến nước non nhà.



BÀI TẬP LÀM THÊM: ĐIỀN DẤU GIỌNG VÀO BÀI*Làng chim*

- | | |
|----------------------------|-----------------------------|
| a. Bô các là bac chim ri, | ă. Chim ri la di sao sâu |
| â. Sao sâu là câu sao đen, | b. Sao đen la em tu hu, |
| c. Tu hu la chu bô cac, | d. Bô cac la bac chim ri... |

Làng chim

1	2	3	4	5	6	7	8
Tiêng	con	chim	ri.	Goi	đi	goi	câu
9	10	11	12	13	14	15	16
Tiêng	con	sao	sâu.	Goi	câu	goi	cô
17	18	19	20	21	22	23	24
Tiêng	con	ga	cô.	Goi	cô	goi	chu
25	26	27	28	29	30	31	32
Tiêng	con	tu	hu.	Goi	chu	goi	đi.
33	34	35	36	37	38	39	40
Mau	mau	tin	dây	ma	đi	ra	đông.

Con gà, chó, heo

1	2	3	4	5	6		
Con	ga	cuc	tac	la	chanh		
7	8	9	10	11	12	13	14
Con	lớn	un	in	mua	hanh	cho	tôi.
15	16	17	18	19	20		
Con	cho	khoc	đung	khoc	ngôi,		
21	22	23	24	25	26	27	28
Me	ỏi	đi	chở	mua	tôi	đông	riêng.

Cái bóng

1	2	3	4	5	6		
Cai	bông	đi	chở	câu	canh,		
7	8	9	10	11	12	13	14
Cai	tôm	đi	trước,	cu	hanh	theo	sau.
15	16	17	18	19	20		
Con	cua	lach	bach	theo	hâu,		
21	22	23	24	25	26	27	28
Cai	chay	rối	xuông,	vỏ	đâu	con	cua.
1	2	3	4	5	6		
Gio	đua	cây	cai	vê	trởi,		
7	8	9	10	11	12	13	14
Rau	răm	ỏ	lai	chiu	lỏi	đăng	cay.

Công ơn tô tiên

1. Cha mẹ sinh ra ta,
2. Ông bà sinh cha mẹ.
3. Đã biết ơn cha mẹ,
4. Phải biết ơn ông bà.
5. Lời xưa thương nhắc nhớ:
6. Uống nước phải nhớ nguồn.
7. Chiu ơn mà không nhớ,
8. Không bằng lời chim muông.



Lời nói

Loi noi không mât tiên mua,
Lua loi ma noi, cho vua long nhau.
Chim khôn hot tiêng ranh rang,
Nguoi khôn noi tiêng diu dang dê nghe.

CÂU ĐỐ

1. Của mình mình chẳng hay dùng
Người ta cần trọng, nằm lòng nhớ kêu.
2. Cái gì lưỡi bén mình ơi
Liếm xe xe toạc, liếm người người đau.
3. Đầu tròn lông lóc.
Khi thì ném xuống, khi tung lên trời.
Lúc bị người đấm, lúc bị người đá.
Lúc bị bẻ giỏ, lúc đau như dằm
Trẻ già tíu tít ngoài sân
Cứ thấy nó đến co chân chạy dài.
4. Đường ngay thông thoáng.
Hai cổng hai bên
Trên hàng gương, Dưới hàng lược.
5. Cây chi không cội không cành
Chỉ có một lá ta mình trao nhau.
6. Đi năm đứng năm ngồi năm năm thì đứng.

NỐI TỪ CHO THÀNH CÂU VÀ VIẾT LẠI.**A 1**

- | | | |
|------------|------|------------|
| a. Ba em | học | trà nóng. |
| b. Mẹ em | chơi | bắn bi. |
| c. Em bé | uống | bài. |
| d. Chị Hai | là | công nhân. |
| e. Em | nấu | sữa. |
| g. Ông nội | bú | cơm. |

A 2

- | | | |
|--------------|---------|-------------|
| a. Anh ba | giảng | bài. |
| b. Thầy giáo | lau dọn | bài. |
| c. Tài xế | viết | trường học. |
| d. Lao công | lái | xe buýt. |
| e. Ca sĩ | đánh | hay. |
| g. Học trò | hát | đàn. |

A 5

a. Cái muỗng	để	xuống đất.
b. Con kiến nhỏ	có nhiều	tô màu.
c. Cuốn sách	thả	múc.
d. Bút màu	đang rơi	sữa.
e. Con bò	dùng để	hình hay.
g. Cái lá vàng	cho ta	mời về tổ.

A 6

a. Chữ A	xem	mẫu tự.
b. Đôi đũa	màu	đen.
c. Con cáo	bằng	ti vi buổi tối.
d. Em	đứng đầu	gà con.
e. Tóc em	có	hai bánh tròn.
g. Xe đạp	rình bắt	gỗ (cây).

A 17

- | | | |
|-----------------|---------|------------------|
| a. Cây cau | thối | sẽ khỏe hơn. |
| b. Ăn nhiều | là | trúng. |
| c. Chú em | biết | một tật xấu. |
| d. Nói láo | rau cải | cao. |
| e. Con gà trống | đẻ | gáy để báo thức. |
| g. Con gà mái | thì | sáo hay lắm. |

A 18

- | | | |
|-----------------|----------|---------------------|
| a. Muốn gửi thư | làm bằng | sáp. |
| b. Gói quà | nghe | đuôi xù. |
| c. Đèn cầy | có | mưa nhiều. |
| d. Em | có | nhạc trong ra-đi-ô. |
| e. Con sóc | mừng | sinh nhật bạn. |
| g. Mùa thu | phải | có tem. |

A 19

- | | | |
|--------------|----------|---------------|
| a. Con heo | cưỡi | ngoài biển. |
| b. Mùa hè | chạy | đi tắm biển. |
| c. Em biết | thì | con cừu. |
| d. Bé Ngân | còn gọi | ngựa. |
| e. Chiếc tàu | vẽ | hình tặng ba. |
| g. Con trầu | chúng em | mập. |

A 20

- | | | |
|---------------|---------|--------------------|
| a. Mẹ | là | để làm bánh. |
| b. Cây dù | là | đèn ở ngoài biển. |
| c. Người ta | nuôi | vỏ cứng. |
| d. Hải đăng | cán bột | che mưa. |
| e. Con bò con | có | con bê. |
| g. Con sò | để | con chó trong nhà. |

